

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2018/HS-PT
Ngày: 09/10/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 371/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày 03/7/1990; tại: tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Xóm 9, xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 592/40 đường Hồ Học Lãm, khu phố 13, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ; con bà Nguyễn Thị Th; vợ: Hồ Thị Mỹ L; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

- Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 13/6/2018

- Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

+ Bị hại: Ông Huỳnh M; Sinh năm: 1936; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường ,X Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngày 01/3/2018, ông Huỳnh M chết do bệnh già - theo Trích lục khai tử số: 276/TLKT-BS của Ủy ban nhân dân Phường X, quan Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

+Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Lê Thị B; Sinh năm: 1937 - Là vợ của ông Huỳnh Mậu; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường X, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Hương X; Sinh năm: 1959 - Là con của ông Huỳnh Mậu; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường X, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Bích N; Sinh năm: 1967 - Là con của ông Huỳnh Mậu; Trú tại: 44/25 đường Trung Lang, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Hương M; Sinh năm: 1965 - Là con của ông Huỳnh M; Thường trú: 925/13B đường Hậu Giang, Phường B, Quận K Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 18/3 đường Trần Phú, khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(có mặt)

5. Ông Huỳnh Minh H; Sinh năm: 1969 - Là con của ông Huỳnh M; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Bà Huỳnh Thị H; Sinh năm: 1971 - Là con của ông Huỳnh M; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Bà Huỳnh Thị Ánh H; Sinh năm: 1972 - Là con của ông Huỳnh M; Trú tại: 925/13B đường Hậu Giang, Phường X, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Bà Huỳnh Thị Thu T; Sinh năm: 1973; Thường trú: 925/13B đường Hậu Giang, Phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 109/6/12 đường Bình Trị Đông, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị Thu T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

(có mặt)

9. Ông Huỳnh L; Sinh năm: 1981 - Là con của ông Huỳnh M; Thường trú: 925/13B đường Hậu Giang, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 11/5A đường Nguyễn Văn Hóa, phường Đ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 15 phút ngày 20/8/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 59C2-456.21 lưu thông trên đường Hậu Giang theo hướng từ đường Trần Văn Kiểu về vòng xoay Mũi Tàu. Khi đến trước nhà số 942 đường Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, T điều khiển xe vượt lên bên trái xe gắn máy biển số 52K7-6837 do ông Huỳnh M điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều nhưng để đầu xe bên phải của T đụng vào tay lái bên trái xe của ông Mậu, làm cho cả hai xe và người trên xe ngã xuống đường. Tai nạn xảy ra làm ông Mậu bị thương và được đưa vào bệnh viện Chợ Rẫy cấp cứu. Riêng T bị xây xát nhẹ.

Qua kiểm tra nồng độ cồn vào lúc 06h17' ngày 20/8/2017, đã xác định nồng độ cồn của Nguyễn Văn T là 0,733 miligam/01 lít khí thở theo biên bản làm việc ngày 20/8/2017 của Công an Quận 6 (BL: 36 - 38).

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 809/TgT.17 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về thương tật đối với ông như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương đầu mặt gây gãy cung gò má trái, vỡ sọ chẩm trái và đỉnh sau, thái dương trái, chảy máu dưới nhện rải rác hai bán cầu đại não, dập não thùy trán và thái dương hai bên, đã được điều trị nội bảo tồn, hiện:

+ Còn hình ảnh vỡ xương, hình ảnh dập não và tụ máu mãn tính dưới màn cứng tại vùng trán đỉnh hai bên trên phim MSCT chụp sọ mặt.

+ Có tình trạng sa sút sau chấn thương sọ não.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 63% (sáu mươi ba phần trăm).

Qua khám nghiệm hiện trường đã xác định được như sau: đường Hậu Giang được trải nhựa bằng phẳng, áp dụng cho xe lưu thông hai chiều và được phân cách bởi một vạch sơn vàng liên tục, mặt đường có chiều rộng là 12 mét. Tai nạn xảy ra là đoạn đường trước nhà 942 Hậu Giang, Phường Q, Quận C.

Lấy lề đường bên phải đường Hậu Giang (hướng lưu thông từ đường Trần Văn Kiểu về vòng xoay Mũi Tàu) làm lề chuẩn. Lấy vị trí trụ đèn trên lề chuẩn làm điểm mốc cố định. Từ điểm này đo ra lề chuẩn có kích thước 0,8 mét. Tất cả các vị trí, dấu vết đo được như sau:

- Vị trí vết cày xe mô tô biển số 52K7-6837:

+ Đầu vết cày đo vào lề chuẩn có kích thước là 4,90 mét.

+ Đầu vết cày in dài đến tâm trục gác chân trước bên trái có kích thước là 2,90 mét.

+ Đầu vết cày đo vào vị trí trụ đèn trên lề chuẩn làm điểm mốc cố định có kích thước là 12 mét.

- Vị trí xe mô tô biển số 52K7-6837 ngã:

+ Tâm trục bánh trước đo vào lề chuẩn phải có kích thước là 4,40 mét.

+ Tâm trục bánh sau đo vào lề chuẩn phải có kích thước là 5,10 mét.

- Vị trí vết cày xe mô tô biển số 59C2-456.21:

+ Đầu vết cày đo vào lề chuẩn phải có kích thước là 5,50 mét.

+ Đầu vết cày in dài đến tâm trục gác chân trước bên trái có kích thước là 18 mét.

+ Đầu vết cày đo vào đầu vết cày của xe mô tô biển số 59K7-6837 có kích thước là 2,10 mét.

- Vị trí xe mô tô biển số 59C2-456.21 ngã:

+ Tâm trục bánh trước đo vào lề chuẩn phải có kích thước là 9,40 mét.

+ Tâm trục bánh sau đo vào lề chuẩn phải có kích thước là 10,50 mét.

Quá trình khám nghiệm được tiến hành trong điều kiện: Buổi sáng, trời râm mát, mật độ xe lưu thông trung bình.

Qua khám nghiệm dấu vết phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông đã xác định:

- Xe mô tô biển số 59K7-6837:

+ Dấu vết va chạm: Mặt dưới tay cầm lái bên trái bị trầy xước cao su có kích thước là 7cm x 2cm, từ tay cầm lái này đo xuống mặt đất là 100cm. Tất cả các dấu vết này phù hợp với dấu vết va chạm với xe mô tô biển số 59C2-456.21 tạo thành.

+ Dấu vết ngã: Mặt đồng hồ báo tốc độ đầu xe bị vỡ rời khỏi vị trí ban đầu; Chụp đèn chiếu sáng đầu xe bị bung rời khỏi vị trí ban đầu; Mặt ngoài đầu tay lái bên trái bị mài mòn nhựa và mài mòn kim loại; Mặt kính gương chiếu hậu bên trái bị vỡ rời; Mặt ngoài gác chân người ngồi sau bên trái bị trầy xước kim loại kích thước 3cm x 3cm; Mặt ngoài tay cầm nâng xe phía sau bên trái bị trầy xước kim loại có kích thước 5cm x 2cm. Tất cả các dấu vết trên là do xe ngã xuống đường tạo thành.

- Xe mô tô biển số 59C2-456.21:

+ Dấu vết va chạm: Mặt trước bên phải đèn chiếu sáng đầu xe có dấu vết mài xước nhựa và bị móp hướng từ trước về sau kích thước 17cm x 9cm. Tại tâm dấu vết này đo xuống mặt đất là 100cm. Tất cả các dấu vết này phù hợp với dấu vết va chạm với xe mô tô biển số 59K7-6837 tạo thành.

+ Dấu vết ngã: Mặt trên bên trái mũi vè chắn bùn bánh trước bị trầy xước nhựa tróc sơn có kích thước 4cm x 2cm; Mặt ngoài đầu tay lái bên trái bị mài mòn kim loại và mài mòn cao su; Mặt ngoài đầu tay thắng bên trái bị mài mòn kim loại; Cạnh mặt nạ bên trái bị mài mòn nhựa tróc sơn có kích thước 17cm x 6cm; Cạnh bửng chắn gió bên trái bị mài mòn nhựa kích thước 8cm x 1cm; Mặt

dưới gác chân người ngồi lái bên trái bị trầy xước kim loại. Gác chân này bị cong hướng từ trước về sau, từ dưới lên trên. Đầu ngoài cần số bên trái bị trầy xước kim loại. Cần số này bị cong hướng từ trái qua phải áp sát vào lốc máy; Mặt dưới gác chân người ngồi sau bên trái (khi không có người ngồi) bị trầy xước kim loại; Ốp nhựa thân xe bên trái bị mài mòn nhựa kích thước 16cm x 2cm; Mặt ngoài tay cầm nâng xe phía sau bên trái bị mài mòn kim loại. Tất cả các dấu vết trên là do xe ngã xuống đường tạo thành.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngày 16/7/2018, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 6 xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn và các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã kết luận: đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ nhưng xin hưởng án treo là chưa đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Mức hình phạt 03 (ba) năm tù cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T là thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội lao động hợp pháp chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng con cái, bị cáo rất hối hận và nhận thức được sai phạm của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 20/8/2017, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 23/8/2017, bản ảnh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai người làm chứng cùng các biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 05h15' ngày 20/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 59C2-456.21 lưu thông trên đường Hậu Giang (hướng từ đường Trần Văn Kiêu về vòng xoay Mũi Tàu). Khi đến trước nhà số 942 đường Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, bị cáo đã điều khiển xe vượt lên bên trái xe gắn máy biển số 52K7-6837 do ông Mđiều khiển lưu thông phía trước cùng chiều, đè đầu xe bên phải của bị cáo điều khiển đụng vào tay lái bên trái xe của ông Mậ; gây ra vụ tai nạn giao thông làm cho ông Mậ bị thương được đưa vào bệnh viện Chợ Rẫy cấp cứu.

Theo biên bản làm việc ngày 20/8/2017 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Qua kiểm tra nồng độ cồn của Nguyễn Văn T là 0,733 miligam/01 lít khí thở (BL: 36 - 38).

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 809/TgT.17 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về thương tật đối với ông Mvới tỉ lệ tổn thương cơ thể là 63% (sáu mươi ba phần trăm).

Xét, về nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là hoàn toàn do lỗi của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi điều khiển xe gắn máy trong tình trạng đã uống rượu bia với nồng độ cồn vượt quá nồng độ cho phép là 0,25 miligam/1 lít khí thở, điều khiển xe lưu thông quan sát không thận trọng, lấn trái để vượt qua xe khác khi chưa đủ điều kiện an toàn (vi phạm quy định tại Điều 8 và Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ). Đây là nguyên nhân tất yếu dẫn đến vụ tai nạn giao thông mà hậu quả đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại. Trong vụ án, ông Mđiều khiển xe lưu thông đúng phần đường không có lỗi.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông và sức khỏe của người khác tham gia giao thông; gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do thiếu ý thức chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đã gây ra vụ vụ tai nạn giao thông, làm thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe người khác.

Với hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T và hậu quả đã gây ra trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, là đúng

người, đúng tội, không oan sai; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 212 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Tổng ứng với tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội vào 20/8/2017, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) không phải là tội nhẹ hơn so với tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), mà còn gây bất lợi cho bị cáo.

Do đó, về hình phạt cần xét xử nghiêm đối với bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 212 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” nhưng lại căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có thiếu sót, sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nhưng không cần thiết phải hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại mà chỉ cần sửa lại điều luật áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T cho phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cần lưu ý, rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/7/2018, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết: bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại về sức khỏe cho bị hại, được bị hại bãi nại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án - tiền sự; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù là thỏa đáng; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình đơn có xác nhận của chính quyền địa phương gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính nuôi hai con còn nhỏ và mẹ bị bệnh; là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo nhưng cần được xem xét.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Xét, bị cáo Nguyễn Văn T bị xử phạt mức án 03 (ba) năm tù về tội do vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng; bản thân là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật. Do đó, không cần thiết bắt bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt tù của bản án.

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Văn T).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 6 (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA Quận 6 (2)
- TAND Quận 6 (2)
- Công an Quận 6 (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh